TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
Số: 856/QĐ-LĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm 2022

BAN THƯỜNG VỤ LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định 4074/QĐ-TLĐ ngày 18/01/2022 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm 2022;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2018 – 2023 và Chương trình công tác của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh năm 2022;

- Xét đề nghị của Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ lao động Liên đoàn Lao động tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu cơ bản thực hiện nhiệm vụ năm 2022 cho Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh *(có bảng phân bổ kèm theo)*.

Điều 2. Giao Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ lao động Liên đoàn Lao động tỉnh làm đầu mối phối hợp với các Ban, Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, cuối năm 2022 tổng hợp báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh để làm căn cứ đánh giá, xếp loại phong trào thi đua năm 2022.

Điều 3. Các Ban, Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban CSPL&QHLĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Quang Tòa

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2022

GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

TT	Đơn vị (LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐ ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc)	Tổng số Đoàn viên/ CĐCS	Công tác Tổ chức – Kiểm tra								Công tác CSPL & QHLĐ							Công tác Tuyên giáo – Nữ công						Tài chính	
			Kết nạp đoàn viên *(người)*	Thành lập CĐCS *(đơn vị)*	Giới thiệu ĐVưu tú cho Đảng *(người)*	CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ *(đơn vị)*	Tập huấn nghiệp vụ công tác CĐ *(lớp)*	Kiểm tra thực hiện Điều lệ CĐVN *(CĐCS)*	Kiểm tra công tác tài chính CĐCS trực thuộc *(cuộc)*	K/tra tài chính đồng cấp & hỗ trợ Covid19 *(cuộc)*	Tổ chức HN CBCCVC *(đạt tỉ lệ 100%)*	Tổ chức HN NLĐ *(đạt tỷ lệ 85 % DN)*	Ký mới TULĐTT *(kỳ lần đầu tiên)*	Tổ chức đối thoại *(đạt tỷ lệ 70 % DN)*	Đề xuất điều chỉnh tăng bữa ăn ca 18.000đ trở lên *(đơn vị)*	Vận động đóng góp chương trình nhà ở MACĐ *(triệu đồng)*	Tổ chức giám sát theo QĐ 217,218 *(cuộc)*	CĐ cấp trên cơ sở xây dựng, nhân rộng ít nhất một mô hình dân vận khéo	CĐCS xây dựng, nhân rộng mô hình/phần việc thực hiện CT05 hoặc mô hình dân vận khéo	Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	CĐCS tổ chức Tháng công nhân	Công đoàn cấp trên cơ sở tổ chức hoạt động nữ công	Thành lập Ban Nữ công quần chúng ở CĐCS ngoài khu vực Nhà nước	Thu KPCĐ (tỷ đồng)	Thu ĐPCĐ (tỷ đồng)
			(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*
1	Thành phố	7.263/168	500	3	120	151	2	17	25	1	108	45	2	38	1	115	5	1	33	1	25	2	1	5,932	2,294
2	Đức Phổ	5.124/85	230	1	83	79	1	9	13	1	77	3		2	1	57	3	1	17	1	2	2		2,440	0,944
3	Bình Sơn	4.941/118	250	2	110	110	2	12	18	1	110	4	1	3	1	67	4	1	24	1	1	2		3,944	1,526
4	Tư Nghĩa	2.265/82	200	1	83	75	1	8	12	1	78	3		2	1	45	2	1	16	1	2	2		2,747	1,063
5	Mộ Đức	2.249/78	200	2	80	73	1	8	12	1	72	5	1	4		45	2	1	16	1	2	2		2,853	1,103
6	Sơn Tịnh	1.679/60	100	1	61	56	1	6	10	1	59	1		1		33	2	1	12	1	1	2		2,274	0,879
7	Ba Tơ	1.642/81	180	1	82	75	1	8	12	1	80	1		1		33	2	1	16	1	1	2	1	2,094	0,810
8	Sơn Hà	1.615/70	100	1	72	65	1	7	11	1	70	0		0		32	2	1	14	1		2		2,020	0,781

TT	Đơn vị (LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐ ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc)	Tổng số ĐV/ CĐCS	Công tác Tổ chức – Kiểm tra								Công tác CSPL & QHLĐ							Công tác Tuyên giáo – Nữ công						Tài chính	
			Kết nạp đoàn viên *(người)*	Thành lập CĐCS *(đơn vị)*	Giới thiệu ĐVưu tú cho Đảng *(người)*	CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ *(đơn vị)*	Tập huấn nghiệp vụ công tác CĐ *(lớp)*	Kiểm tra thực hiện Điều lệ CĐVN *(CĐCS)*	Kiểm tra công tác tài chính CĐCS trực thuộc *(cuộc)*	K/tra tài chính đồng cấp & hỗ trợ Covid19 *(cuộc)*	Tổ chức HN CBCCVC *(đạt tỉ lệ 100%)*	Tổ chức HN NLĐ *(đạt tỷ lệ 85 % DN)*	Ký mới TƯLĐTT *(ký lần đầu tiên)*	Tổ chức đối thoại *(đạt tỷ lệ 70 % DN)*	Đề xuất điều chỉnh tăng bữa ăn ca 18.000đ trở lên *(đơn vị)*	Vận động đóng góp chương trình nhà ở MẠCĐ *(triệu đồng)*	Tổ chức giám sát theo QĐ 217,218 (cuộc)	CĐ cấp trên cơ sở xây dựng, nhân rộng ít nhất một mô hình dân vận khéo	CĐCS xây dựng, nhân rộng mô hình/phần việc thực hiện CT05 hoặc mô hình dân vận khéo	Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	CĐCS tổ chức Tháng công nhân	Công đoàn cấp trên cơ sở tổ chức hoạt động nữ công	Thành lập Ban Nữ công quần chúng ở CĐCS ngoài khu vực Nhà nước	Thu KPCĐ (tỷ đồng)	Thu ĐPCĐ (tỷ đồng)
9	Nghĩa Hành	1.570/78	250	2	71	64	1	7	10	1	75	2	1	2		31	2	1	14	1	1	2		2,122	0,821
10	Lý Sơn	1.340/22	100	1	20	20	1	2	3	1	19	1		1		14	1	1	4	1		2		0,849	0,329
11	Trà Bồng	1.893/89	130	1	88	81	1	9	13	1	87	2	1	0		37	3	1	17	1	1	2		2,274	0,879
12	Sơn Tây	788/37	30	-	38	35	1	4	6	1	37	0		0		16	2	1	7	1		2			
13	Minh Long	650/26	30	-	26	24	1	3	4	1	26	0		0		13	2	1	5	1		2			
14	KKT DQ & các KCN	30.441/68	14.000	8	30	61	1	7	10	1	4	54	4	47	11	210	2	1	13	1	55	2	5	29,645	11,462
15	Ngành Y tế	4.855/29	250	1	40	27	1	3	4	1	29	0		0		97	2	1	6	1		2		5,913	2,287
16	Viên chức	4.120/70	40	-	128	65	1	7	10	1	70	0		0		82	2	1	14	1		2			
17	Giáo dục	2.700/43	90	-	55	39	1	4	6	1	40	3	2	2		54	2	1	8	1		2			
18	Công ty CP Đường Q.Ng	2.757	130	-	17	1	1	-	-	1	0	1		1	1	39	-	1	1	1	1	2		-	-
19	C.ty CP NSTP	491	10	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		9,8	-		1	1	1			-	-
20	C.ty TNHH KTCTTL	321	2	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		6,4	-		1	1	1			-	-

TT	Đơn vị (LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐ ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc)	Tổng số ĐV/ CĐCS	Công tác Tổ chức – Kiểm tra								Công tác CSPL&QHLĐ							Công tác Tuyên giáo – Nữ công						Tài chính	
			Kết nạp đoàn viên *(người)*	Thành lập CĐCS *(đơn vị)*	Giới thiệu ĐVưu tú cho Đảng *(người)*	CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ *(đơn vị)*	Tập huấn nghiệp vụ công tác CĐ *(lớp)*	Kiểm tra thực hiện Điều lệ CĐVN *(CĐCS)*	Kiểm tra công tác tài chính CĐCS trực thuộc *(cuộc)*	K/tra tài chính đồng cấp & hỗ trợ Covid19 *(cuộc)*	Tổ chức HN CBCCVC *(đạt tỉ lệ 100%)*	Tổ chức HN NLĐ *(đạt tỷ lệ 85 % DV)*	Ký mới TULĐTT *(kỳ lần đầu tiên)*	Tổ chức đối thoại *(đạt tỷ lệ 70 % DV)*	Đề xuất điều chỉnh tăng bữa ăn ca 18.000đ trở lên *(đơn vị)*	Vận động đóng góp chương trình nhà ở MÁCĐ *(triệu đồng)*	Tổ chức giám sát theo QĐ 217,218 (cuộc)	CĐ cấp trên cơ sở xây dựng, nhân rộng ít nhất một mô hình dân vận khéo	CĐCS xây dựng, nhân rộng mô hình/phần việc thực hiện CT05 hoặc mô hình dân vận khéo	Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	CĐCS tổ chức Tháng công nhân	Công đoàn cấp trên cơ sở tổ chức hoạt động nữ công	Thành lập Ban Nữ công quần chúng ở CĐCS ngoài khu vực Nhà nước	Thu KPCĐ (tỷ đồng)	Thu ĐPCĐ (tỷ đồng)
32	Trường ĐH P.V.Đ	209	20	-	2	1	-	-	-	1	1	0		0		4	-		1	1	1			-	-
33	Trường CĐ Q.Ngãi	59	4	-	1	1	-	-	-	1	1	0		0		1	-		1	1	1			-	-
34	Trường CĐ VN-HQ-QN	191	2	-	1	1	-	-	-	1	1	0		0		4	-		1	1	1			-	-
TỔNG CỘNG		**80.331/1.221**	**17.025**	**25**	**1.222**	**1.117**	**20**	**121**	**179**	**34**	**1.045**	**137**	**12**	**116**	**16**	**1.068,2**	**40**	**18**	**252**	**33**	**100**	**36**	**7**	**65,107**	**25,176**

Nơi nhận :
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Các ban, Văn phòng LĐLĐ tỉnh;
- Lưu VT, Ban CSPL & QHLĐ

TM/BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Quang Tòa

TT	Đơn vị (LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐ ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc)	Tổng số ĐV/ CĐCS	Công tác Tổ chức – Kiểm tra								Công tác CSPL & QHLĐ							Công tác Tuyên giáo – Nữ công						Tài chính	
			Kết nạp đoàn viên *(người)*	Thành lập CĐCS *(đơn vị)*	Giới thiệu ĐVưu tú cho Đảng *(người)*	CĐCS hoàn thành tốt nhiệm vụ *(đơn vị)*	Tập huấn nghiệp vụ công tác CĐ *(lớp)*	Kiểm tra thực hiện Điều lệ CĐVN *(CĐCS)*	Kiểm tra công tác tài chính CĐCS trực thuộc *(cuộc)*	K/tra tài chính đồng cấp & hỗ trợ Covid19 *(cuộc)*	Tổ chức HN CBCCVC *(đạt tỉ lệ 100%)*	Tổ chức HN NLĐ *(đạt tỷ lệ 85 % DN)*	Ký mới TULĐTT *(ký lần đầu tiên)*	Tổ chức đối thoại *(đạt tỷ lệ 70 % DN)*	Đề xuất điều chỉnh tăng bữa ăn ca 18.000đ trở lên *(đơn vị)*	Vận động đóng góp chương trình nhà ở MẠCĐ *(triệu đồng)*	Tổ chức giám sát theo QĐ 217,218 (cuộc)	CĐ cấp trên cơ sở xây dựng, nhân rộng ít nhất một mô hình dân vận khéo	CĐCS xây dựng, nhân rộng mô hình/phần việc thực hiện CT05 hoặc mô hình dân vận khéo	Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	CĐCS tổ chức Tháng công nhân	Công đoàn cấp trên cơ sở tổ chức hoạt động nữ công	Thành lập Ban Nữ công quần chúng ở CĐCS ngoài khu vực Nhà nước	Thu KPCĐ (tỷ đồng)	Thu ĐPCĐ (tỷ đồng)
21	C.ty CP May Đông Thành	434	50	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		8,7	-		1	1	1			-	-
22	CTCP ĐTXD Thiên Tân	152	90	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		2,9	-		1	1	1			-	-
23	C.ty TNHH MTV XSKT	50	2	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		1	-		1	1	1			-	-
24	C.ty TNXP	18	1	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		0,4	-		1	1	1			-	-
25	C.ty TMTH	65	2	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		1,3	-		1	1	1			-	-
26	C.ty Du lịch	75	10	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		1,5	-		1	1	1			-	-
27	C.ty Hóa chất	81	2	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		1,6	-		1	1	1			-	-
28	Cty Bảo Việt	24	1	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		0,6	-		1	1	1			-	-
29	C.ty Bảo Minh	25	1	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		0,5	-		1	1	1			-	-
30	C.ty Bảo hiểm nhân thọ	27	1	-	1	1	-	-	-	1	0	1		1		0,5	-		1	1	1			-	-
31	Trường ĐH TCKT	217	17	-	2	1	-	-	-	1	1	0		0		4	-		1	1	1			-	-